

VNT Logistics
The best logistics solutions



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

VNT LOGISTICS
2013

VNT Logistics

The best logistics solutions

No.2 Bich Cau Street, Dong Da District, Hanoi, Viet nam

Tel: (84.4) 37321090 Fax: (84.4) 37321083

<http://www.vinatrashn.com.vn>

Annual Report 2013

VNT Logistics

The best logistics solutions



▶▶ MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY	4
■ Lịch sử phát triển	
THÔNG ĐIỆP	11
■ Thông điệp của chủ tịch HĐQT	
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	13
■ Báo cáo của Tổng Giám đốc	
■ Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013	
■ Kế hoạch kinh doanh năm 2014	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	18
■ Báo cáo kiểm toán	
■ Bảng cân đối kế toán	
■ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2013	
■ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
■ Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013	
CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN	46
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	47
■ Ban Tổng Giám đốc	
■ Tổ chức bộ máy	
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	52
■ Hội đồng quản trị	
■ Ban Tổng Giám đốc	
■ Ban kiểm soát	
■ Thông tin cổ đông	
THÔNG TIN LIÊN HỆ	55



GIỚI THIỆU CÔNG TY



VNT LOGISTICS

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG TY:

- Tháng 6/1996 : Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) thành lập chi nhánh tại Hà Nội- Vinatrans Hà Nội
- Tháng 4/2003 Cổ phần hóa chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương- Vinatrans Hà Nội
- Năm 2006 VNT Logistics kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng do các thành tích kinh doanh xuất sắc.
- Tháng 8/2009 chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Tháng 5/2011 thay đổi thương hiệu nhận diện mới từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics

NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

NĂM	THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC
2001	Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc” Bằng khen của Bộ Thương Mại
2002	Bằng khen của Bộ Thương Mại Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2003	Bằng khen của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2004	Bằng khen của Bộ Thương Mại Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2005	Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2006	Huân chương lao động hạng 3
2007	Bằng khen của Bộ Thương Mại

Năm	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Mức tăng vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2003	12	-	-
2004	12	-	-
2005	24	12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100%
2006	24	-	-
2007	54,72	30,72	Phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 70% Phát hành cho cổ đông hiện hữu với lệ 2:1 Phát hành cho CBCNV có đóng góp đến sự phát triển của Cty. Phát hành cho đối tác chiến lược của Cty.

VỊ THẾ CÔNG TY TRONG NGÀNH



Trong những năm gần đây, ngành dịch vụ giao nhận vận tải tại Việt Nam đã và đang phát triển rất nhanh chóng, từ một vài doanh nghiệp giao nhận quốc doanh của đầu thập niên 90 đến nay đã có hơn 800 công ty được thành lập và hoạt động trên cả 3 miền tổ quốc Bắc, Trung, Nam. Với bề dày kinh nghiệm hoạt động từ năm 1975, bắt kịp với thay đổi của cơ chế thị trường, Công ty VNT Logistics hiện nay là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận vận tải hàng hóa của Việt Nam.



VỀ GIAO NHẬN HÀNG KHÔNG

Doanh thu từ dịch vụ vận tải hàng không vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương. Liên tục trong các năm gần đây, mặc dù thị trường cạnh tranh gay gắt nhưng dịch vụ giao nhận hàng không của VNT Logistics vẫn xếp vào hàng tốt nhất trên thị trường. Tại khu vực phía Bắc, VNT Logistics là đơn vị đại lý vận tải đường không có lượng hàng xuất hàng năm lớn nhất và được các hãng hàng không lớn xếp hạng như sau:

Hãng hàng không Xếp hạng cho VNT Logistics

Korea Airlines	1
Vietnam Airlines	1



VỀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN

VNT Logistics cạnh tranh trực tiếp với các Công ty có tên tuổi như Safi, Gemadept, Viconship... và trong nhiều năm liền, VNT Logistics được đánh giá là 1 trong 5 doanh nghiệp hàng đầu của ngành. Đặc biệt dịch vụ thu gom hàng lẻ đóng container chung chủ đi các cảng trên thế giới, VNT Logistics luôn duy trì, phát triển và dẫn đầu thị trường miền Bắc.



ĐỐI VỚI DỊCH VỤ ĐẠI LÝ TÀU

Hiện tại, Công ty đang đi sâu vào khai thác dịch vụ đại lý và môi giới thuê tàu.

DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ KHAI THÁC KHO BÃI

Hiện tại, VNT Logistics cũng đang tiến hành đầu tư vào phát triển hệ thống kho bãi, cầu cảng hiện đại tại khu vực Cảng Hải Phòng, Cái Lân với diện tích gần 5 ha giúp nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị trường của Công ty trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi.

NHỮNG LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA CÔNG TY

Thế mạnh hiện tại của Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương là mảng dịch vụ vận tải hàng không và mảng gom hàng lẻ đóng container chung chuyển đi các cảng trên thế giới. Doanh thu của hai hoạt động này trong những năm gần đây luôn đạt mức cao và giữ vững tốc độ tăng trưởng ổn định trước sức ép cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cạnh tranh. Nguyên nhân là do chất lượng của các dịch vụ này không ngừng được nâng cao, luôn đảm bảo tính chính xác về thời gian giao nhận hàng cho khách hàng, đồng thời thể hiện tính chuyên nghiệp trong phong cách phục vụ. Lợi thế cạnh tranh của Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương so với các doanh nghiệp khác trong ngành vận tải gồm:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các vị trí chủ chốt khác là các chuyên gia trong ngành vận tải, có trình độ chuyên môn cao, hiểu biết sâu rộng về thị trường dịch vụ vận tải nội địa và quốc tế, giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải. Đội ngũ lãnh đạo tâm huyết với Công ty, luôn nỗ lực để đưa VNT Logistics trở thành đơn vị vận tải hàng đầu.

Đội ngũ nhân sự của Công ty với kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, không ngừng được bồi dưỡng, phong cách làm việc chuyên nghiệp, tạo được ấn tượng và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng cũng như các ngành liên quan, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải là nhân tố chủ chốt đảm bảo hoạt động ổn định và phát triển bền vững của VNT Logistics .

Trụ sở, các chi nhánh, kho bãi được xây dựng ở những địa bàn thuận lợi cho việc giao dịch với khách hàng, thực hiện thủ tục nhập - xuất hàng do ở gần các cảng, sân bay lớn. Mạng lưới các chi nhánh được thiết lập rộng khắp các khu vực trọng điểm kinh tế như Hải phòng, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ được mở rộng nhanh chóng trong thời gian tới. Thêm vào đó, Công ty cũng đã thiết lập được một mạng lưới đại lý quốc tế có quy mô với các nước lớn và có nhu cầu tiềm năng như Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc và Châu Âu.

Hệ thống phương tiện vận tải và trang thiết bị gồm 20 xe đầu kéo, 20 rơmooc, 01 xe cần cẩu, 02 xe nâng container, đội xe tải các loại; hệ thống kho bãi tại Hà Nội, Hải Phòng trên khu vực có tổng diện tích gần 5 ha góp phần triển khai cung cấp dịch vụ vận tải chất lượng cao của Công ty.

Trang thiết bị văn phòng và hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm máy tính, photocopy, máy in laser, điện thoại, máy fax, telex, tổng đài, phần mềm quản lý... luôn đảm bảo đầy đủ những tính năng của một văn phòng hiện đại, kết nối mạng công ty và với mạng vi tính của các hãng tàu quốc tế, kết nối dữ liệu trực tuyến Internet, đáp ứng khả năng cung cấp dịch vụ với thời gian làm việc liên tục, thuận lợi, linh hoạt cũng như yêu cầu hội nhập toàn cầu.





CÁC RỦI RO:

Nhận định về triển vọng kinh tế Việt nam trong năm 2014, các định chế tài chính, tổ chức nước ngoài khá dè dặt bởi e ngại các rủi ro trong và ngoài nước vẫn đang hiện hữu.

Chỉ tiêu tăng trưởng 5.8% được Quốc hội thông qua sẽ là mục tiêu khó khăn do e ngại các vấn đề về rủi ro trong xử lý nợ xấu và có thể lạm phát tăng lên. Những rủi ro này ảnh hưởng đến các Doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong ngành Logistics nói riêng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Công ty tiếp tục duy trì ổn định các dịch vụ về hàng không xuất, hàng không nhập và đường biển nhập, tìm hướng đi mới cho hàng xuất LCL và phát triển mảng xuất biển FCL. Phát triển hơn nữa dịch vụ Logistics trọn gói, tập trung vào các khách hàng dự án lớn. Xây dựng đội ngũ nhân viên phục vụ chuyên nghiệp về chứng từ, customer services. Và phát triển đội ngũ nhân viên sales marketing lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.



▶▶ THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa: Quý vị Cổ đông- Quý khách hàng – Các đối tác và toàn thể CBCNV Công ty VNT Logistics.

Năm 2013 tiếp tục là năm đầy khó khăn thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp logistics nói riêng. Tuy nhiên với những biện pháp phòng ngừa rủi ro và chiến lược kinh doanh phù hợp VNT Logistics vẫn giữ vững được các mảng kinh doanh truyền thống, mở rộng thêm một số mảng dịch vụ mới và đã đạt được hiệu quả cao, tối ưu hóa giá trị đầu tư cho cổ đông, cổ tức chia ở mức cao 30%. Công ty duy trì lợi thế cạnh tranh với các đối thủ thông qua giá cả chất lượng dịch vụ hợp lý, luôn luôn lắng nghe ý kiến khách hàng, các đối tác và tôn trọng các giá trị cốt lõi.

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 35.73 tỷ tăng trưởng 4.46 % so với năm 2012 là 34.20 tỷ. So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 42.94 % (ĐHCĐ giao 25 tỷ). Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 27.04 tỷ vẫn giữ vững so với năm 2012 là 27.1 tỷ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2013: 4.993 đồng. Cổ tức chia : 30 % (trong năm 2013 chia 10% và đầu năm 2014 chia 10%, dự kiến chia bổ sung thêm 10%).

Có được kết quả trên ngoài sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác là sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên công ty VNT Logistics, ban điều hành và sự định hướng đúng đắn của HĐQT.

Tôi tin tưởng rằng năm 2014 với sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý vị cổ đông, đối tác, khách hàng và sự cố gắng của anh chị em CBCNV, VNT Logistics sẽ tiếp tục mở rộng quy mô tăng trưởng mạnh mẽ và đem lại ngày càng nhiều hơn lợi ích cho các cổ đông.

Thay mặt HĐQT tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các Quý cơ quan hữu quan, các Quý cổ đông, các khách hàng – đối tác đã tin tưởng, ủng hộ, hợp tác để VNT Logistics ngày càng phát triển.

Kính Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Chủ tịch HĐQT
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Giang



▶▶▶ BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Các thông tin chung

- Tên công ty: Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Tên tiếng anh: The Van cargoes and Foreign trade logistics joint stcok company.
- Tên giao dịch: **VNT LOGISTICS**
- Mã chứng khoán: **VNT**
- Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Giang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Trụ sở chính: Số 2 Bích câu, quận Đống Đa, thành phố Hà nội
ĐT: (84-4) 37321 090- Fax: (84-4) 37321 083
Email: inf@vntlogistics.com
- Website: www.vntlogistics.com
- Vốn điều lệ: 54.720.000.000 VNĐ
- Vốn thực góp: 54.720.000.000 VNĐ
- **Chi nhánh Công ty tại:**
 - **Hải phòng:** 208 đường chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
ĐT: (84-31) 3765 819- Fax: (84-31) 3765 820
Email: hph@vnthp.com.vn
 - **Quảng ninh:** Số 1 đường Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- **Công ty con Hanotrans tại:**
 - **Hà nội:** Số 2 Bích câu, quận Đống Đa, Hà nội
ĐT: (84-4) 37322 542- Fax: (84-4) 37322 895
Email: inf@hanotrans.com.vn
Website: www.hanotrans.com.vn
 - **Hải phòng:** Bãi VNT, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải phòng
ĐT: (84-31) 3978 169- Fax: (84-31) 3978 798
 - **Hồ chí minh:** 154-147 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ chí minh
ĐT: (84-8) 39409 779- Fax: (84-8)
- **Depot VNTLogistics tại:**
Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải phòng
Tel: (84-3) 3978 169- Fax: (84-31) 3978 798

2. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Bốc xếp hàng hóa: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - Đại lý tàu biển
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương thức;
 - Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hóa xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Môi giới hàng hải
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
 - Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu
 - Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

3. Tình hình kinh doanh năm 2013

- Năm 2013 tuy có những khó khăn kinh tế chung nhưng Công ty vẫn có thể hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận của công ty mẹ:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2013	TH 2013	% (TH/KH)
1	Doanh thu	tỷ	300	445,7	148%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ	25	34,1	136%

4. Tình hình tài chính năm 2013

a) Tình hình tài chính hợp nhất:

CHỈ TIÊU	ĐVT: triệu VNĐ		
	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	263.167	264.464	100.49
Doanh thu thuần	539.589	619.350	114.78
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.139	29.799	87.29
Lợi nhuận khác	0.07	5.936	8480
Lợi nhuận trước thuế	34.209	35.735	104.46
Lợi nhuận sau thuế	27.177	27.041	99.50
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30	30	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất):

CÁC CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1.34 1.34	1.37 1.37	Không có hàng tồn kho
2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.62 1.63	0.58 1.37	
3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2.05	2.34	Không có
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần + Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH + Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	0.05 0.27 0.10 0.06	0.04 0.24 0.10 0.05	

c) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

+ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Chi tiết thu nhập	Thu nhập/ tháng (tr đ)
1	Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	6
2	Trần Công Thành	UV HĐQT	Thù lao	5
3	Vũ Thế Đức	UV HĐQT	Thù lao	5
4	Bùi Ngọc Loan	UV HĐQT	Thù lao	5
5	Lương Ngọc Bảo	UV HĐQT	Thù lao	5
6	Nguyễn Xuân Giang	TGD	Lương	40
7	Trần Công Thành	P.TGD	Lương	30
8	Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng BKS	Thù lao	3
9	Lương Minh Châu	Trưởng BKS	Thù lao	2
10	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	Thù lao	2

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

+ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

+ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo pháp luật về quản trị công ty

A. Kết quả kinh doanh năm 2013:

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 35.70 tỷ, tăng trưởng 4.46% so với năm 2012 là 34.2 tỷ

So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 42.8% (ĐHCĐ giao 25 tỷ)

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 27.04 tỷ bằng 99.49% so với năm 2012 là 27.17 tỷ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2013: 4.993, năm 2012: 5.018 đồng

Cổ tức đã chia đợt 1 trong năm 2013 là 10% và chia đợt 2 vào tháng 3/2014 là 10%, dự kiến sẽ chi cổ tức đợt 3 năm 2013 là 10% nữa.

B.Tình hình kinh doanh năm 2013 :

- Tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt.

- Chi phí đầu vào tăng.

- Nhiều khách hàng gặp khó khăn hoặc thậm chí phá sản, thay đổi kế hoạch xuất nhập hàng ảnh hưởng lớn đến doanh thu của công ty.

Tuy nhiên CB CNV Công ty hết sức cố gắng hoàn thành và vượt mức kế hoạch ĐHCĐ giao Công ty vẫn tiếp tục phát triển và mở rộng hệ thống đại lý khắp toàn cầu, tham gia mạng lưới các forwarder độc lập WCA,...tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao nhận xuất nhập khẩu hàng hóa. Một số mảng giao nhận như hàng không, đại lý tàu nhờ chất lượng dịch vụ, uy tín công ty, nỗ lực nhân viên bán hàng đã giành được những khách hàng lớn- mang lại hiệu quả rất cao cho công ty.

Công ty tiếp tục phát triển các dịch vụ của công ty con Hanotrans và chi nhánh Hanotrans, thành lập mới nhiều phòng kinh doanh và kinh doanh có hiệu quả, tăng nhanh thị phần của Hanotrans trong kết quả chung của công ty.

C. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Năm 2013 công ty đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý cho phù hợp với tình hình kinh doanh và phát triển của Công ty

Cụ thể:

+ Hoàn thiện hệ thống các phòng ban nghiệp vụ về nhân sự quản lý, nhân viên nghiệp vụ chuyên môn từng mảng nghiệp vụ

+ Tổ chức cho các nhân viên nghiệp vụ đi học thêm và lấy chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ: Như nghiệp vụ khai thuê Hải quan, Nghiệp vụ về cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải cho hàng nguy hiểm...

+ Xây dựng cơ chế lương thưởng cụ thể cho từng kết quả công việc.

+ Triển khai với các bên cung cấp về các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

5. Phương hướng kinh doanh năm 2014:

- Giữ vững và phát triển các mảng dịch vụ chính như giao nhận hàng xuất nhập khẩu hàng không, đường biển, dịch vụ gom hàng, dịch vụ nội địa hỗ trợ, dịch vụ đại lý giao nhận vận tải đường biển cho các hãng tàu và các đại lý giao nhận, tiếp tục ổn định và mở rộng các mảng kinh doanh của công ty con Hanotrans

- Hoàn thiện hệ thống quy trình nội bộ, kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thương hiệu

- Khai thác có hiệu quả khu Kho bãi Hải phòng.

- Thu hút nhân tài về làm việc cho công ty

Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2014:

Trước tình hình kinh doanh vẫn chưa thể thoát khỏi tình trạng khó khăn như năm 2013, căn cứ tình hình thực tế, Công ty đề nghị ĐHCĐ xem xét một số chỉ tiêu kế hoạch 2014 như sau:

1.Tổng Doanh thu:	400 tỷ
2.Lãi trước thuế:	25 tỷ
3.Cổ tức:	15 %



Số: 12.153/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210,948,861,846	218,575,060,418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	110,642,753,737	85,438,006,810
1. Tiền	111		35,176,604,382	34,514,928,110
2. Các khoản tương đương tiền	112		75,466,149,355	50,923,078,700
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	2,896,300,000	8,134,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,896,300,000	8,134,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	71,037,879,609	99,518,603,210
1. Phải thu khách hàng	131		67,572,917,822	85,905,594,958
2. Trả trước cho người bán	132		4,331,420,850	14,482,671,126
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1,353,353,436	863,438,188
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2,219,812,499)	(1,733,101,062)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.4	26,371,928,500	25,484,450,398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		383,333,333	90,000,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		493,309,226	1,032,554,655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			613,285,543
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		25,495,285,941	23,748,610,200

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53,515,750,190	44,591,629,291
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		41,563,023,985	34,525,774,833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	37,455,212,188	17,543,691,382
+ Nguyên giá	222		58,311,893,406	35,782,645,967
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20,856,681,218)	(18,238,954,585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1,954,505,944	1,153,261,032
+ Nguyên giá	228		3,115,538,786	2,237,750,157
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,161,032,842)	(1,084,489,125)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	2,153,305,853	15,828,822,419
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	9,525,000,000	9,733,026,540
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			890,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9,525,000,000	9,525,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			(681,973,460)
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270	(5.9)	2,427,726,205	332,827,918
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		707,726,205	332,827,918
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278		1,720,000,000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		264,464,612,036	263,166,689,709

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		152,997,848,491	163,287,214,901
I. Nợ ngắn hạn	310		152,997,848,491	163,287,214,901
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	127,659,524,550	123,161,795,728
3. Người mua trả tiền trước	313		548,880,343	682,115,842
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	4,178,610,675	4,135,124,647
5. Phải trả người lao động	315		8,564,581,104	10,533,915,737
6. Chi phí phải trả	316		2,349,696,718	7,945,666,871
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	8,949,307,185	16,410,996,848
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		747,247,916	417,599,228
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.13)	111,466,763,545	99,879,474,808
I. Vốn chủ sở hữu	410		111,466,763,545	99,879,474,808
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54,720,000,000	54,720,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,029,300,000	1,029,300,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(817,208,082)	(817,208,082)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,900,293,842	8,021,870,476
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500,000,000	500,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5,000,000,000	4,000,000,000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		42,134,377,785	32,425,512,414
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264,464,612,036	263,166,689,709

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ		1,083,382.94	646,136.07
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 24 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THỊ THU HIỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	619,350,150,932	539,588,843,594
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		619,350,150,932	539,588,843,594
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	581,038,003,626	499,478,222,946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38,312,147,306	40,110,620,648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	10,800,338,156	14,542,639,357
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1,155,166,017	1,312,976,314
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	18,158,315,004	19,201,097,892
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,799,004,441	34,139,185,799
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	6,494,332,546	879,390,397
12. Chi phí khác	32	(6.7)	558,436,697	809,122,480
13. Lợi nhuận khác	40		5,935,895,849	70,267,917
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,734,900,290	34,209,453,716
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	8,694,290,563	7,032,271,425
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27,040,609,727	27,177,182,291
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(6.9)	4,993	5,018

Ngày 24 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HIỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35,734,900,290	34,209,453,716
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		4,618,973,996	3,906,314,485
Các khoản dự phòng	03		(195,262,023)	981,738,112
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		399,951,219	(141,349,408)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8,068,263,797)	(16,223,336,797)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32,490,299,685	22,732,820,108
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29,481,840,077	(2,512,138,516)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(23,918,526,289)	1,997,813,736
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(668,231,620)	177,325,519
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,135,300,833)	(7,326,016,269)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,537,240,000	420,000,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,984,400,000)	(8,078,760,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		24,802,921,020	7,411,044,577
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,857,962,987)	(8,271,430,073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2,727,273	536,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(4,368,300,000)	(25,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,410,000,000	37,446,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		890,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,307,226,524	10,826,773,848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10,383,690,810	15,037,343,775

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,074,758,000)	(18,552,168,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,074,758,000)	(18,552,168,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		25,111,853,830	3,896,220,352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85,438,006,810	81,543,488,953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		92,893,097	(1,702,495)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		110,642,753,737	85,438,006,810

Ngày 24 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HIỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có mở Chi nhánh Hải Phòng tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 224 nhân viên (31/12/2012: 184 nhân viên).

1.2.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - Đại lý tàu biển;
 - Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%
- Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn: 100%
- Địa chỉ: Số 2 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nhận Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

■ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

■ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4. Tài sản cố định hữu hình:

■ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

■ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2013
+Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 24 năm
+Máy móc thiết bị	08 – 24 năm
+Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 10 năm
+Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất và quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

- Phần mềm máy vi tính:

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 201

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

4.6. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.8. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2013 đã được duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4.9. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.10. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

- Các loại thuế khác:

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.14 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

- Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.570.719.167	2.416.638.047
Tiền gửi ngân hàng	33.605.885.215	32.098.290.063
Các khoản tương đương tiền	75.466.149.355	50.923.078.700
Tổng cộng	110.642.753.737	85.438.006.810

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại Ngân hàng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 9 - 12 tháng tại Ngân hàng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	67.572.917.822	85.905.594.958
Trả trước cho người bán	4.331.420.850	14.482.671.126
Các khoản phải thu khác	1.353.353.436	863.438.188
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	73.257.692.108	101.251.704.272
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.219.812.499)	(1.733.101.062)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	71.037.879.609	99.518.603.210

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.711.525.941	617.710.200
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.783.760.000	23.130.900.000
Tổng cộng	25.495.285.941	23.748.610.200

Ký quỹ ngắn hạn là các khoản ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không và khoản ký quỹ theo thư bảo lãnh của Ngân hàng để thực hiện hợp đồng đại lý hàng hóa với Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.749.745.867	1.924.048.598	27.613.829.272	1.495.022.230	35.782.645.967
Mua trong năm	-	194.274.799	846.215.691	58.382.000	1.098.872.490
Đầu tư XD CB	20.588.059.666	2.514.855.262	678.436.364	13.181.818	23.794.533.110
Chuyển sang công cụ	-	(338.340.449)	(189.613.604)	(782.669.916)	(1.310.623.969)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(996.834.192)	(56.700.000)	(1.053.534.192)
Số dư cuối năm	25.337.805.533	4.294.838.210	27.952.033.531	727.216.132	58.311.893.406
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.539.087.282	1.105.319.696	13.420.183.143	1.174.364.464	18.238.954.585
Khấu hao trong năm	666.814.382	451.668.260	3.233.157.214	100.759.793	4.452.399.649
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(220.295.335)	(189.613.604)	(716.451.431)	(1.126.360.370)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(676.457.001)	(31.855.645)	(708.312.646)
Số dư cuối năm	3.205.901.664	1.336.692.621	15.787.269.752	526.817.181	20.856.681.218
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.210.658.585	818.728.902	14.193.646.129	320.657.766	17.543.691.382
Tại ngày cuối năm	22.131.903.869	2.958.145.589	12.164.763.779	200.398.951	37.455.212.188

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.960.236.028 đồng.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.823.682.327	414.067.830	2.237.750.157
Mua trong năm	-	49.090.909	49.090.909
Đầu tư XD CB hoàn thành	918.728.350	-	918.728.350
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(90.030.630)	(90.030.630)
Số dư cuối năm	2.742.410.677	373.128.109	3.115.538.786
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	793.406.706	291.082.419	1.084.489.125
Khấu hao trong năm	122.366.216	44.208.131	166.574.347
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(90.030.630)	(90.030.630)
Số dư cuối năm	915.772.922	245.259.920	1.161.032.842
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.030.275.621	122.985.411	1.153.261.032
Tại ngày cuối năm	1.826.637.755	127.868.189	1.954.505.944

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 144.515.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng kho bãi	2.058.966.853	15.734.483.419
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng	2.153.305.853	15.828.822.419

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	890.000.000
Đầu tư dài hạn khác	9.525.000.000	9.525.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	9.525.000.000	10.415.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	-	(681.973.460)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	9.525.000.000	9.733.026.540

Đầu tư khác được chi tiết như sau:

	Số tiền	Số cổ phiếu	Tỷ lệ góp vốn	VND
Công ty CP VT và TM (Vinalink)	6.900.000.000	505.540	5,62%	
Công ty CP VT và NT (Vinafreight)	2.625.000.000	175.000	3,13%	
Cộng	9.525.000.000			

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Tập đoàn phân bổ 50% giá trị khi đưa công cụ, dụng cụ vào sử dụng và 50% giá trị còn lại vào năm thứ 2 tính từ lúc phát sinh.

5.10. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn theo thư bảo lãnh của Ngân hàng để thực hiện hợp đồng đại lý hàng hóa với Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	127.659.524.550	123.161.795.728
Người mua trả tiền trước	548.880.343	682.115.842
Tổng cộng	128.208.404.893	123.843.911.570

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	151.196.263	183.445.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.883.538.639	1.937.834.452
Thuế thu nhập cá nhân	773.710.332	766.751.132
Các loại thuế khác	1.370.165.441	1.247.093.568
Tổng cộng	4.178.610.675	4.135.124.647

5.13. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2013 còn phải trả.

5.14. Chi phí phải trả

Chủ yếu là các khoản trích trước chi phí cước hàng không cho các lô hàng đã hoàn thành trong năm.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	4.396.578
Cổ tức phải trả	990.266.500	1.015.062.000
Nhận tiền cược cho thuê container lạnh	7.739.200.000	4.930.000.000
Nhận tiền tạm ứng dự án phát triển lúa gạo tại Cuba	-	5.367.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	219.840.685	5.094.538.270
Tổng cộng	8.949.307.185	16.410.996.848

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	DVT: ngàn đồng		Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
					Quý dự phòng tài chính	Quý dự trữ vốn điều lệ		
Số dư đầu năm trước	54.720.000	1.029.300	(817.208)	7.563.230	500.000	3.000.000	24.019.937	90.015.259
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	27.177.182	27.177.182
Trích quỹ	-	-	-	458.640	-	1.000.000	(4.786.405)	(3.327.765)
Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	(2.708.300)	(2.708.300)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(443.702)	(443.702)
Số dư đầu năm nay	54.720.000	1.029.300	(817.208)	8.021.870	500.000	4.000.000	32.425.512	99.879.474
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	27.040.610	27.040.610
Trích các quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	878.424	-	1.000.000	(1.878.424)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.076.577)	(4.076.577)
Chia cổ tức 2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2013	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(543.543)	(543.543)
Số dư cuối năm	54.720.000	1.029.300	(817.208)	8.900.294	500.000	5.000.000	42.134.378	111.466.764

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
Tổng cộng	54.720.000.000	100%	54.720.000.000	100%

5.16.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
■ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
■ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
■ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	55.400	55.400
■ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.416.600	5.416.600
■ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.16.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	32.425.512.414	24.019.937.651
Lợi nhuận sau thuế trong năm	27.040.609.727	27.177.182.291
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(878.423.366)	(458.640.332)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.620.120.990)	(3.771.467.196)
Chia cổ tức 2012	(5.416.600.000)	(2.708.300.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2013	(5.416.600.000)	(5.416.600.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 2/2013	-	(5.416.600.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	42.134.377.785	32.425.512.414

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	37.888.398.822	37.099.649.808
Chi phí công cụ dụng cụ	800.648.095	371.751.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.814.564.595	3.064.709.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.371.677.227	448.566.117.719
Chi phí bằng tiền khác	12.162.714.887	10.375.994.807
Tổng cộng	581.038.003.626	499.478.222.946

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia từ Vinalink và Vinafreight	958.717.409	933.310.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.106.819.115	10.826.773.848
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.567.101.969	2.614.456.242
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	167.699.663	168.099.267
Tổng cộng	10.800.338.156	14.542.639.357

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính	(681.973.460)	(555.978.540)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.269.488.595	1.842.204.995
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	567.650.882	26.749.859
Tổng cộng	1.155.166.017	1.312.976.314

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	8.721.419.396	8.141.904.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	277.748.610	133.896.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	804.409.401	841.604.939
Thuế, phí và lệ phí	192.410.107	194.439.671
Chi phí dự phòng	486.711.437	1.649.202.559
Chi phí khác bằng tiền	7.675.616.053	8.240.050.061
Tổng cộng	18.158.315.004	19.201.097.892

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Công ty mẹ	Hanoi trans	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	29.327.485.425	6.407.414.865	35.734.900.290
Cổ tức được chia	(958.717.409)	-	(958.717.409)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	979.374	-	979.374
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	28.369.747.390	6.407.414.865	34.777.162.255
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	7.092.436.847	1.601.853.716	8.694.290.563

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	46.609.818.218	45.241.554.382
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.078.396.705	505.647.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.618.973.996	3.906.314.485
Thuế, phí và lệ phí	192.410.107	194.439.671
Chi phí dự phòng	486.711.437	1.588.533.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.371.677.227	448.566.117.719
Chi phí khác bằng tiền	21.551.933.654	20.798.812.319
Tổng cộng	600.909.921.344	520.801.419.632

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước	VND
Thù lao Hội đồng quản trị Công ty	498.249.984	448.056.197	
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc Công ty	1.230.000.000	1.063.816.908	
Tổng cộng	1.728.249.984	1.511.873.105	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội
- Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Doanh thu	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	DVT: đồng Tổng cộng
Từ khách hàng bên ngoài	395.612.185.648	223.737.965.284	-	619.350.150.932
Giữa các bộ phận	28.833.954.162	12.019.548.934	(40.853.503.096)	-
Tổng cộng	424.446.139.810	235.757.514.218	(40.853.503.096)	619.350.150.932
Kết quả hoạt động kinh doanh	3.672.331.226	16.481.501.076	-	20.153.832.302
Kết quả của bộ phận	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	3.672.331.226	16.481.501.076	-	20.153.832.302
Doanh thu tài chính	7.470.255.598	3.330.082.558	-	10.800.338.156
Chi phí tài chính	84.736.689	1.070.429.328	-	1.155.166.017
Lợi nhuận khác	5.658.137.987	277.757.862	-	5.935.895.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.939.562.521	4.754.728.042	-	8.694.290.563
Lợi nhuận sau thuế	12.776.425.601	14.264.184.126	-	27.040.609.727
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	12.776.425.601	14.264.184.126	-	27.040.609.727

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Các thông tin khác

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản của bộ phận	166.182.090.709	139.174.182.338	(40.891.661.011)	264.464.612.036
Công ty liên kết	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	166.182.090.709	139.174.182.338	(40.891.661.011)	264.464.612.036
Nợ phải trả của bộ phận	54.715.327.164	139.174.182.338	(40.891.661.011)	152.997.848.491
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	54.715.327.164	139.174.182.338	(40.891.661.011)	152.997.848.491
Chi phí mua sắm tài sản	(107.472.909)	(3.750.490.078)	-	(3.857.962.987)
Chi phí khấu hao	472.878.923	4.146.095.073	-	4.618.973.996

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất vì hoạt động của Tập đoàn chỉ là cung cấp dịch vụ logistics nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

■ Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

■ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

■ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.642.753.737	85.438.006.810
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.926.271.258	85.035.932.084
Đầu tư ngắn hạn	2.896.300.000	8.134.000.000
Đầu tư dài hạn	9.525.000.000	8.843.026.540
Tài sản tài chính khác	25.503.760.000	23.130.900.000
Tổng cộng	217.494.084.995	210.581.865.434
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	136.608.831.735	139.572.792.576
Chi phí phải trả	2.349.696.718	7.945.666.871
Tổng cộng	138.958.528.453	147.518.459.447

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

■ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

■ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ tài chính		Tài sản tài chính	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	5.207.814,67	4.946.989,78	2.535.839,64	2.536.130,41
Yên Nhật (JPY)			33.000,00	33.000,00
Euro (EUR)		-	2.479,60	5.543,97
Đô la Singapore (SGD)			500,00	500,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Tập đoàn có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

■ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

■ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	136.608.831.735	-	136.608.831.735
Chi phí phải trả	2.349.696.718	-	2.349.696.718

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	139.572.792.576	-	139.572.792.576
Chi phí phải trả	7.945.666.871	-	7.945.666.871

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.926.271.258	-	68.926.271.258
Đầu tư ngắn hạn	2.896.300.000	-	2.896.300.000
Đầu tư dài hạn	-	9.525.000.000	9.525.000.000
Tài sản tài chính khác	23.783.760.000	1.720.000.000	25.503.760.000

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.035.932.084	-	85.035.932.084
Đầu tư ngắn hạn	8.134.000.000	-	8.134.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.843.026.540	8.843.026.540
Tài sản tài chính khác	23.130.900.000	-	23.130.900.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 03 năm 2014.

TP.Hồ Chí Minh, 24 tháng 03 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THU HIỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN GIANG

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN



VNT Logistics
The best logistics solutions

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Công ty năm 2013 tiếp tục đầu tư hoàn thành dự án Kho-Bãi tại Hải phòng.
Tổng giá trị đầu tư là 25.38 tỷ đang dần hoàn thiện và một số hạng mục công trình đã hoàn thành và được đưa vào khai thác từ tháng 12/2012.

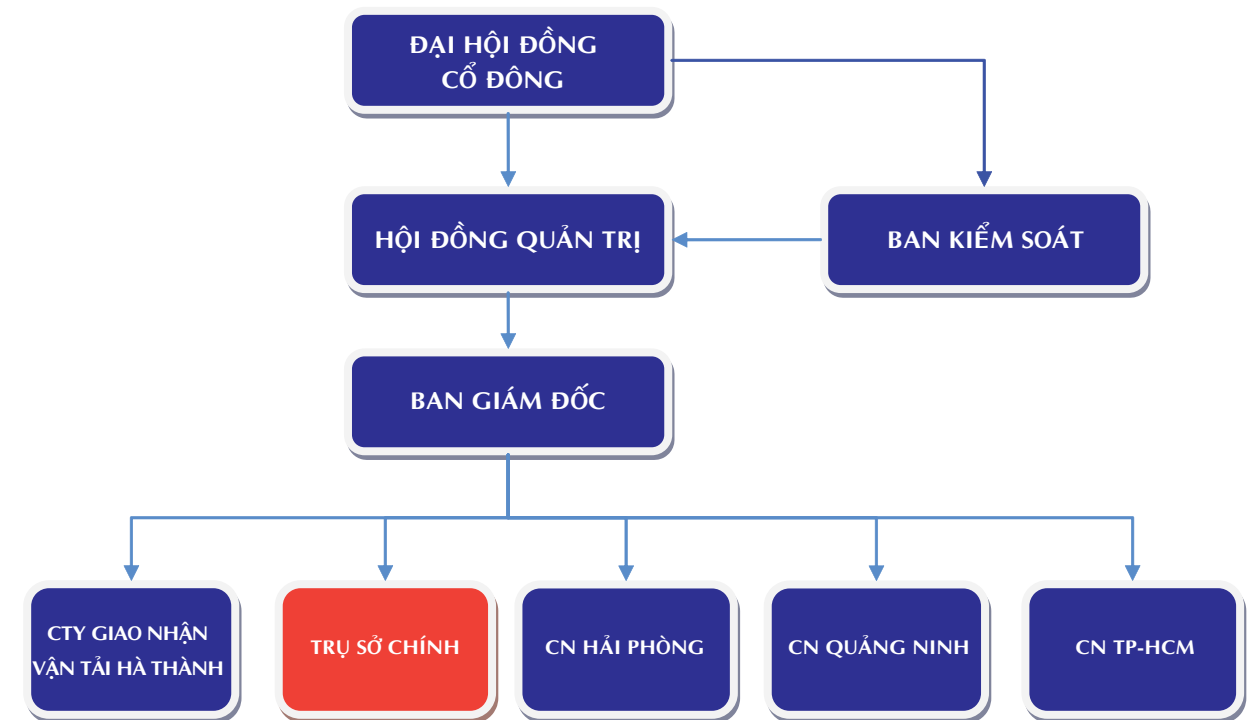
b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

- Tên công ty: Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành
- Tên giao dịch: Hanotrans LTD
- 02 chi nhánh: tại thành phố Hải phòng và thành phố Hồ Chí Minh
- Tình hình tài chính:
- Công ty con Hanotrans là công ty 100% vốn đầu tư của công ty mẹ VNT Logistics, với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ VNĐ và hiện tại vốn điều lệ là 6 tỷ VNĐ.
- Công ty con Hanotrans hoạt động kinh doanh theo phương hướng và chỉ đạo thống nhất từ Ban Tổng giám đốc công ty và cũng góp phần đáng kể trong Tổng lợi nhuận của Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ngoài ra có các Phó Tổng Giám đốc phụ trách các mảng công việc theo phân công của Tổng Giám đốc.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám Đốc
2	Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám Đốc

Quản lý khác:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng
2	Ông Tăng Anh Quốc	Giám Đốc công ty con

Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc:**1. Ông Nguyễn Xuân Giang**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/02/1969
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Sơn Tây, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 19 lô C19, Khu tập thể Thủy tinh, Ngô Quyền, Hải phòng
Số Đt cơ quan	031.3765.820
Trình độ học vấn	Kỹ sư Hàng hải
Quá trình công tác	- Từ 4/1999 đến 4/2003: Công tác tại công ty Vinatrans- chi nhánh Hải phòng- giữ chức Phó giám đốc chi nhánh Hải phòng - Từ 5/2003 đến 12/2007: công tác tại Công ty Vinatrans Hà nội- chi nhánh Hải phòng- giữ chức Giám đốc chi nhánh Hải phòng - Từ 1/2008 đến nay: giữ chức Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hải phòng
Chức vụ công tác hiện nay	- Phó tổng Giám đốc công ty VNT Logistics - Giám đốc Chi nhánh Hải phòng
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	53.800

2. Ông Trần Công Thành

Giới tính	Nam
Ngày sinh	24/01/1976
Nơi sinh	Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 8, ngõ 165 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà nội
Số Đt cơ quan	04.3732.1090
Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính - Kế Toán

Quá trình công tác	- Từ 1996 đến 2003: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty VNT Logistics - Từ 2003 đến 2008: Kế toán trưởng công ty VNT Logistics - Từ 2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics.
Chức vụ công tác hiện nay	- Phó tổng Giám đốc công ty VNT Logistics
Số cổ phần nắm giữ của cá nhân	39.200

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành Viên Ban Kiểm Soát
2	Bà Dương Minh Châu	Thành Viên Ban Kiểm Soát

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, báo cáo kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và Ban tài chính Kế toán chuẩn bị
- Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán DTL

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Cổ phiếu: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.416.600
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phần
- Cổ tức đã chi: 1,000 đ/ cổ phần. Cổ tức trả năm 2013 là : 2,000 đ/ cổ phần
- Cơ cấu cổ đông:
 - Vốn góp của Nhà nước: 10.96%
 - Vốn góp của các đối tượng khác: 89.04%



Quyền lợi của Ban Giám đốc: VNT Logistics trả một mức lương cạnh tranh cho Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cao cấp khác của công ty, thưởng theo thành tích kinh doanh và cung cấp các quyền lợi khác như khám sức khỏe định kỳ, được bảo hiểm tai nạn....

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2013: 287 người

Chính sách đối với người lao động trong công ty :
Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc

_ Công ty thực hiện chế độ 5 ngày rưỡi làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% của mức lương làm việc thông thường.

_ Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.

_ Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

VNT Logistics luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện qua thi tuyển đầu vào và tuyển dụng người theo yêu cầu công việc.

Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công có trình độ cũng như kỹ năng tốt, vì vậy VNT Logistics thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA, VIFAS...các lớp học về quản trị, khoa học quản lý của các trường, viện kinh tế.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên của VNT Logistics, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến việc tăng đều đặn doanh thu hàng năm, giảm thiểu những chi phí không cần thiết. Hiện tại, Công ty đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên cốt cán,

có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh công tác, nhất là đội ngũ cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ.

Trong nhiều năm vừa qua, VNT Logistics đã quan tâm thích đáng đến đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty bằng việc nâng cao mức thu nhập, áp dụng chế độ khoán lương theo kết quả kinh doanh tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng định kỳ tổ chức các chuyến du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:



Ông NGUYỄN XUÂN GIANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Từ 4/1999 đến 4/2003: công tác tại Công ty Vinatrans – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Phó Giám Đốc Chi nhánh Hải Phòng.
- Từ 5/2003 đến 12/2007: công tác tại Công ty VNT Logistics – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng.
- Từ 4/2009 đến 5/2013: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Phó Tổng Giám đốc và Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương
- Từ 5/2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương



Ông TRẦN CÔNG THÀNH
Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Từ 1996 đến 2003: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Vinatrans tại Hà nội.
- Từ 2003 đến 2008: Kế toán trưởng Công ty Vinatrans Hà nội
- Từ 2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.
- Từ năm 2013 -> nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần giao nhận Vận tải ngoại thương



Ông BÙI NGỌC LOAN
Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Từ năm 1975 đến 2008: làm việc tại Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương. Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.
- Tháng 4/ 2009 đến nay:
Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.



Ông VŨ THẾ ĐỨC
Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Từ năm 1983 đến 1987: Làm việc tại Viện dầu khí Việt Nam tại Hà Nội.
- Từ năm 1987 đến nay: Làm việc tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans.
- Tháng 1 năm 2009 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans.
- Từ tháng 4/ 2009 -> 2013: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.
- Từ 5/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương



Ông LƯƠNG NGỌC BẢO
Ủy Viên Hội đồng quản trị

- Vosa Da nang - Cán bộ Khai thác Đại lý Hàng hải
- Vietranscimex - Cán bộ phòng XNK, Phó Ban quản lý tàu
- Vinatrans - Trưởng phòng Đại lý Hàng hải - Giám đốc Bộ phận DLHH
- Vinatrans - Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ hiện nay: Phó tổng Giám đốc công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận ngoại thương Việt nam - Vinatrans.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2013 Hội đồng quản trị Công ty đã hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

- Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật về chứng khoán; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền. có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Giám đốc.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh được Đại hội cổ đông thường niên giao. Cụ thể Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 35.73 tỷ vượt 42.94% ĐHCĐ giao 25 tỷ.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 vẫn tiếp tục giữ vững như năm 2012 mặc dù nền kinh tế có nhiều khó khăn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh. Năm 2013, Ban giám đốc đã tuân thủ đúng định hướng của HĐQT đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả những thuận lợi và các nguồn lực để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế, cụ thể như sau:
- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về doanh thu- lợi nhuận do ĐHCĐ 2013 đề ra
- Hoàn thành việc đầu tư dự án kho bãi tại Hải phòng

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tăng cường hơn nữa việc hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Xuân Giang

VNT Logistics

The best logistics solutions

HANOTRANS

International Freight Forwarders

HEAD OFFICE

VNT Logistics BUILDING

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: (84-4) 3 7321090 Fax: (84-4) 3 7321083
Email: info@vntlogistics.com
Website: www.vntlogistics.com

SEA EXPORT DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: 043.7322543 Fax: 043.7322893
Email: sea-export@vntlogistics.com

SEA IMPORT DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: 043.7323715 Fax: 043.7321084
Email: seafreight@vntlogistics.com

AIR EXPORT DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: 043.7322784 Fax: 043.7322107
Email: airexport@vntlogistics.com

AIR IMPORT DEPT.

Tel.: 043.7322108 Fax: 043.7323064
Email: airimport@vntlogistics.com

LOGISTICS DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: 043.7322487 Fax: 043.7322474
Email: warehousing@vntlogistics.com

LOCAL NETWORK:

HAIPHONG BRANCH office

Address : No 208 Chua Ve Str, Dong Hai 1 Ward,
Hai An Dist, Hai Phong
Tel.: 031 3765819 Fax: 031 3765821
Email: mngt@vnthp.com.vn

QUANG NINH BRANCH office

Address : Số 1 Đường Cai Lân, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Quảng Ninh
Tel.: 0313-765819 Fax: 0313-765821
Email: vntquangninh@vntlogistics.com

Ho chi minh BRANCH office

Address : 145 Nguyen Tat Thanh Str., Dist. 4, Ho Chi Minh City
Tel.: 84 8 9414240 Fax: 84 8 9409889
Email: hnthcm@hanotrans.com.vn

DANANG BRANCH office

Address : 184 Tran Phu Str., Da Nang City
Tel.: 84 511 3562304 Fax: 84 511 3821310
Email: vantr@vinatransdn.com.vn

QUY NHON BRANCH office

Address : 8 Le Thanh Tong, Quy Nhon City
Tel.: 84 56891787/8
Email: vntquq@dng.vnn.vn

HEAD OFFICE

VINATRANS HANOI BUILDING

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: (04) 3 7322543 Fax: (04) 3 7322893
Email: info@hanotrans.com.vn
Website: www.hanotrans.com.vn

SEA EXPORT DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: (04) 3 7322543 Fax: (04) 3 7322893
Email: sea-export@hanotrans.com.vn

SEA IMPORT DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: (04) 3 7323715 Fax: (04) 3 7322107
Email: seafreight@hanotrans.com.vn

AIR EXPORT DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: (04) 3 7322784 Fax: (04) 3 7322107
Email: airexport@hanotrans.com.vn

AIR IMPORT DEPT.

Tel.: (04) 3 7322108 Fax: (04) 3 7323064
Email: airimport@hanotrans.com.vn

LOGISTICS DEPT.

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam
Tel.: (04) 3 7322487 Fax: (04) 3 7322474
Email: warehousing@hanotrans.com.vn

LOCAL NETWORK:

HAIPHONG BRANCH office

Address : No 208 Chua Ve Str, Dong Hai 1 Ward,
Hai An Dist, Hai Phong
Tel.: 031 3765819 Fax: 031 3765821
Email: mngt@vnthp.com.vn

QUANG NINH BRANCH office

Address : Số 1 Đường Cai Lân, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Quảng Ninh
Tel.: 0313-765819 Fax: 0313-765821
Email: vntquangninh@vntlogistics.com

Ho chi minh BRANCH office

Address : 145 Nguyen Tat Thanh Str., Dist. 4, Ho Chi Minh City
Tel.: (84-8) 9414240 Fax: (84-8) 9409889
Email: hnthcm@hanotrans.com.vn

DANANG BRANCH office

Address : 184 Tran Phu Str., Da Nang City
Tel.: (84-511) 3562304 Fax: (84-511) 3821310
Email: vantr@vinatransdn.com.vn

QUY NHON BRANCH office

Address : 8 Le Thanh Tong, Quy Nhon City
Tel.: (84-56) 891787/8
Fax: (84-56) 892380
Email: vntquq@dng.vnn.vn

MEMBERSHIP

